

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11 – 6 – 2019.
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Nguyên.

2. Bà Trương Thị Ngọc Giàu.

Thư ký phiên tòa: Ông Mai Văn Lợi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐST – HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hồ Đình P – sinh năm: 1990. (có mặt)

HKTT: Thôn DK, xã HD, huyện HL, Quảng Trị.

Chỗ ở: 01 Đường 30, Khu phố 4, Phường HBC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M – sinh năm: 1993. (có mặt)

HKTT: Thôn DK, xã HD, huyện HL, Quảng Trị.

Tạm trú: 98 Tổ 4, Ấp 4, xã TC, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Hồ Đình P trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị M tự nguyện tìm hiểu yêu thương rồi tiến tới chung sống với nhau vào năm 2010 và được UBND xã HD, huyện HL, tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/9/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sống chung tại Thôn DK, xã HD, huyện HL, tỉnh Quảng Trị. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến tháng 03/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị M vay mượn tiền của nhiều người mà không có lý do. Do

đó vợ chồng có xảy ra cãi vã và sau đó chị M bỏ về nhà mẹ đẻ tại ấp 4, xã TC, huyện TP, tỉnh Đồng Nai sinh sống. Từ tháng 3/2016 cho đến nay, anh và chị M sống ly thân nhau. Do tình cảm không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

Về con chung: Anh và chị M có 02 con chung là:

- Hồ Đình Minh Đ – sinh ngày: 12/5/2011.

- Hồ Thị Diệu T – sinh ngày: 04/11/2012.

Từ khi anh và chị M sống ly thân nhau đến nay, các con chung do bố mẹ đẻ chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị và anh Hồ Đình P tự nguyện tìm hiểu yêu thương rồi tiến tới chung sống với nhau vào năm 2010 và được UBND xã Hải Dương, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/9/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống chung tại Thôn DK, xã HD, huyện HL, tỉnh Quảng Trị. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc chăm sóc con cái và anh P nhiều lần đánh đập chị. Do đó cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên căng thẳng, cãi vã nhau. Từ tháng 3/2016 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống và anh chị sống ly thân nhau cho đến nay. Nay anh P yêu cầu được ly hôn, nghỉ cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh P có 02 con chung là:

- Hồ Đình Minh Đ – sinh ngày: 12/5/2011.

- Hồ Thị Diệu T – sinh ngày: 04/11/2012.

Từ khi chị và anh P sống ly thân nhau đến nay, con chung sống cùng chị. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hồ Đình P đã giao nộp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ sau: CMND của anh P (bản sao); Sổ hộ khẩu của anh P và chị M (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh của con chung (bản sao); Đơn xin xác nhận (bản chính); Hợp đồng thuê việc (bản chính); Phiếu lương (bản chính).

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản xác minh đối với ông Hoàng Văn H, bà KT; Biên bản thể hiện nguyện vọng của con chung đối với cháu Hồ Đình Minh Đ.

Các tài liệu, chứng cứ này Tòa án đã ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng anh P và chị M đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh P, cho anh Hồ Đình P được ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

+ Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung là Hồ Đình Minh Đ – sinh ngày: 12/5/2011 và Hồ Thị Diệu T – sinh ngày: 04/11/2012 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh P do chị M không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh P và chị M kê khai không có, không yêu cầu giải quyết.

+ Về án phí: Anh Hồ Đình P phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn anh Hồ Đình P khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung đối với bị đơn chị Nguyễn Thị M. Chị M đang cư trú tại huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh P và chị M tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HD, huyện HL, tỉnh Quảng Trị ngày 20/9/2010. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp, nay anh P yêu cầu ly hôn với chị M thì Tòa án áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Do đó trong cuộc sống chung không hạnh phúc và từ năm 2016 đến nay anh chị sống ly thân nhau. Nay tình cảm không còn nên anh P yêu cầu ly hôn với chị M. Chị M cũng đồng ý ly hôn vì cuộc sống chung không còn hạnh phúc.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, phát sinh kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề cả hai có điều kiện ổn định cuộc sống của mình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện anh P là cho anh được ly hôn với chị M là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung: Anh P và chị M có 02 con chung là:

- Hồ Đình Minh Đ – sinh ngày: 12/5/2011.
- Hồ Thị Diệu T – sinh ngày: 04/11/2012.

Anh P có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung với lý do chị M không trực tiếp nuôi dưỡng con chung mà giao cho bố mẹ đẻ nuôi dưỡng. Chị M có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không đồng ý với ý kiến của anh P vì chị vẫn thường xuyên đi về chăm sóc con chung.

Xét nguyện vọng nuôi con của anh P và chị M là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi anh P và chị M sống ly thân nhau đến nay, các con chung do bố mẹ đẻ chị M trực tiếp nuôi dưỡng, bản thân chị M không làm việc tại địa phương. Các đương sự đều có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Cháu Đ có nguyện vọng sống cùng chị M.

Vì vậy, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung, căn cứ vào quy định Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Đ cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh P và chị M do các đương sự không yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh P và chị M kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì anh Hồ Đình P chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 131 Luật hôn nhân và gia đình.
- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Đình P.
Cho anh Hồ Đình P được ly hôn chị Nguyễn Thị M.
2. Về con chung: Anh P và chị M có 02 con chung là:

- Hồ Đình Minh Đ – sinh ngày: 12/5/2011.
- Hồ Thị Diệu T – sinh ngày: 04/11/2012.

Giao cháu Hồ Đình Minh Đ cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Hồ Thị Diệu T cho anh Hồ Đình P trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Anh P và chị M có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Hồ Đình P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh P đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 006297 ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

Anh P và chị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã Hải Dương, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 32, cấp ngày 20/9/2010);
- Các đương sự;
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nam